

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày: 31-01-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.

2. Bà Văn Thị Mỹ Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H; địa chỉ trụ sở chính tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H: Ông Lê Minh T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1991, có mặt.

Địa chỉ: Đường T, khu phố 2, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1970, vắng mặt và bà Lê Thị M, sinh năm 1971, vắng mặt.

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai ngày 23 tháng 10 năm 2017 - Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H trình bày: Từ ngày 03 tháng 4 năm 2015 đến ngày 03 tháng 8 năm 2015, ông R và bà M có

mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H rất nhiều lần. Ông R và bà M có mua có trả tiền nhưng còn thiếu lại một số tiền nên đến ngày 22 tháng 02 năm 2016, hai bên lập bản đối chiếu công nợ thì ông R và bà M còn nợ lại Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H số tiền gốc 22.882.000 đồng. Ông R có ký nhận nợ trong bản đối chiếu công nợ ngày 22 tháng 02 năm 2016. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H có tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng ông R và bà M đến nay vẫn không trả được khoản tiền gốc, lãi nào. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H khởi kiện yêu cầu ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H số tiền gốc là 22.882.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 12 năm 2017 – Ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị M trình bày: Ông R và bà M tổ chức lễ cưới năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông R và bà M thừa nhận còn nợ lại Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H số tiền 22.882.000 đồng. Ông R và bà M xác định chữ ký, chữ viết bên mục người nhận nợ trong bản đối chiếu công nợ ngày 22 tháng 02 năm 2016 là của ông R. Ông R và bà M đề nghị Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H cho trả dần, mỗi vụ trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ba lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ cho ông R và bà M nhưng ông R và bà M không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H – Bà L trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc là 22.882.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bởi vì, ông R và bà M mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H về để sản xuất nông nghiệp nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình R và bà M. Khi mua bán ông R và bà M không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H.

Tại phiên tòa, ông R và bà M vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn là ông R và bà M có địa chỉ tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H khởi kiện yêu cầu ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc 22.882.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua bảng đối chiếu công nợ ngày 22 tháng 02 năm 2016 do ông R ký nhận nợ. Đồng thời, được ông R và bà M thừa nhận nợ tại tự khai ngày 13 tháng 12 năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H, buộc ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H số tiền gốc là 22.882.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về đề nghị xin trả dần của ông R và bà M: Không được Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[4] Về sự vắng mặt của ông R và bà M tại phiên tòa: Ông R và bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông R và bà M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông R và bà M là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông R và bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 22.882.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H, buộc ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H số tiền là 22.882.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Buộc ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.144.000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên H 572.000 đồng (năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006597 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn M năm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị M được quyền kháng cáo trong hạn M năm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

